TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự D - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2018/DS-PT
Ngày: 07/9/2018.
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Dung;

Ông Lê Quốc Thành.

-***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Thiều Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2017/DSPT ngày 11/9/2017 về việc tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2017/QĐXXPT-DS ngày 22/9/2017 và Quyết định giải quyết tiếp vụ án số 16/2018/QĐ-PT ngày 16/7/2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Trường T, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 73, phường N, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T: Luật sư Trần Ngọc Ninh và Luật sư Nguyễn Thu Huệ - Công ty luật Hợp danh Hoàng Gia - Đoàn Luật sư Thanh Hóa.

2.Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 75, phường N, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Luật sư Lê Thị Hoa - Văn phòng Luật sư Việt Hoa - Đoàn Luật sư Thanh Hóa.

3.Người làm chứng:

3.1. Ông Dương Quốc Đ, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số 77, phường N, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3.2. Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 79, phường N, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3.3. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Số 80, phường N, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa: Có mặt ông T, bà T, các Luật sư bảo vệ cho ông T, bà T; vắng mặt những người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2015,các bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn ông Hoàng Trường Ttrình bày:

Năm 2009, ông Tcho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 2.499.000.000đ để kinh Danh cá, có thế chấp bằng toàn bộ nhà xưởng, kho cấp đông và nhà ở của bà T, bà T vay với tư cách cá nhân không vay cho Công ty. Năm 2012 ông bị đưa ra xét xử hình sự về hành vi "cho vay nặng lãi", nH số tiền 2.499.000.000đ cho bà Tvay không liên quan đến vụ án hình sự mà ông đã bị xét xử, số tiền này bà T chưa trả cho ông. D đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả cho ông nợ gốc 2.499.000.000đ, không yêu cầu lãi suất.Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm và phúc thẩm lần 1, giữa ông và bà T có thương lượng, hòa giải với nhau nhiều lần, lần cuối cùng tại nhà hàng Hiền Hoa có sự tham gia của ông Dương Quốc Đ và bà Lê Việt Hoa (Luật sư của bà T), ông đồng ý cho bà T01 tỷ, bà Tphải trả cho ông 1.499.000.000đ, bà T xin chỉ trả 1.250.000.000đ. D không thống nhất được số tiền trả nợ nên vụ án đã được đưa ra xét xử phúc thẩm.

- Tại Bản tự khai ngày 03/8/2015, Bản tự khai ngày 05/8/2015; Biên bản hòa giải ngày 05/8/2015; Đơn phản tố ngày 25/10/2016; Bản tự khai ngày 27/12/2016; Bản tự khai ngày 10/3/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 2009 bà có vay tiền của ông Hoàng Trường T với lãi suất 4.000đ - 5.000đ/triệu/ngày, có lúc lãi suất lên 10.000đ -15.000đ/triệu/ngày, tức là từ 12% - 15%/tháng. Số tiền vay ban đầu khoảng 400 đến 500.000.000đ, có lúc khai số tiền vay ban đầu chỉ 50.000.000đ đến 100.000.000đ D lãi mẹ đẻ lãi con, lãi nhập gốc, có lúc khai số tiền vay là 499.000.000đ, sau đó ông T viết thêm số 2 vào thành 2.499.999.000đ ép bà phải ký. Số tiền vay sử dụng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn (viết tắt TNHH) Phúc T, bà đã trả cho ông Tquá số tiền gốc, giấy tờ liên quan đến việc trả nợ đều D ông T giữ. Năm 2012 ông T bị truy tố hình sự về tội "cho vay nặng lãi", tại cơ quan điều tra ông Tkhai bà đã trả hết nợ cho ông T. Nay ông Tkhởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền 2.499.000.000đ bà không đồng ý.

Tại bản án sơ thẩm số 06/2015/DSST ngày 03/11/2015 của Tòa án nhân dân (viết tắt TAND)huyện Tĩnh Gia đã Quyết định:

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hoàng Trường T, buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông Tsố tiền 2.499.000.000đ. Ngoài ra còn tuyên buộc bà T nộp 81.980.000đ án phí DSST, ông T được trả lại tiền tạm ứng án phí 62.475.000đ.

Sau khi xử sơ thẩm, bà T kháng cáo với nội dung: Thực tế bà chỉ vay ông T 100.000.000đ, D lãi mẹ đẻ lãi con và lãi nhập gốc , ông Tbuộc bà phải ký, bà đã trả hết nợ cho ông T.

Tại bản án phúc thẩm số 56/2016/DSPT ngày 13/7/2016 của TAND tỉnh Thanh Hóa đã Quyết định:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho TAND huyện Tĩnh Gia xét xử lại sơ thẩm với lý D: Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc vay nợ giữa bà T và ông Tcó thuộc lĩnh vực hình sự hay không; yêu cầu đưa thành viên Công ty Phúc tham gia tố tụng.

Quá trình giải quyết lại vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vẫn bảo lưu ý kiến, những người làm chứng được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập gồm ông Dương Quốc Đ, anh Nguyễn Đức H và ông Nguyễn Văn D trình bày:

+ Theo ông Dương Quốc Đ: Ông là người đã tham gia hòa giải nhiều lần về số tiền nợ của bà Tvới ông Tkhi vụ án bắt đầu tại TAND huyện Tĩnh Gia không thành. Đến trước phiên tòa xét xử phúc thẩm tham gia hòa giải có cả luật sư Hoa (người bảo vệ quyền lợi cho bà T), nội dung hòa giả bà Tyêu cầu trả cho ông T01 tỷ, còn ông Tyêu cầu bà Tphải trả 1,5 tỷ. Ông là người ở giữa nói nên chia đôi số tiền 500.000.000đ, mỗi người chịu một nửa, bà Tchỉ đồng ý trả 1.000.000.000đ, ban đầu trả trước 100.000.000đ, số còn lại sẽ trả trong 03 năm. D đó ông Tkhông đồng ý nên buổi thương lượng không thành.

+Theo anh Nguyễn Đức H và ông Nguyễn Văn D: Bà Nguyễn Thị T là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Phúc T, anh H và ông D là thành viên của Công ty. Anh H và ông D đều không biết việc vay tiền giữa bà Tvà ông Hoàng Trường T, bà Ttự đóng dấu của Công ty vào giấy vay tiền và sử dụng tiền vay vào mục đích cá nhân không liên quan đến Công ty.

Tại bản án sơ thẩm số 03/2017/DSST ngày 18/8/2017 của TAND huyện Tĩnh Gia đã Quyết định:

Căn cứ Điều 463, Điều 466; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, Điều 266, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hoàng Trường T, buộc bà T phải trả cho ông Tsố tiền là 2.499.000.000đ *(hai tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu đồng).*

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và giành quyền kháng cáo cho các bên.

Ngày 01/9/2017, bà Nguyễn Thị Tcó đơn kháng cáo với lý D:

Thực tế bà không còn nợ ông Hoàng Trường T số tiền 2.499.000.000đ. Việc bà đồng ý ký vào Biên bản hòa giải thành ngày 05/5/2017 chỉ là để thử lòng xem ông Tcó giữ chữ tín hay không, ngoài ra D Thẩm phán Lê Thị Hạnh thuyết phục, dụ dỗ bà trả cho ông T1.250.000.000đ. Sau khi ký Biên bản hòa giải thành, ông Tđã có đơn đề nghị hủy bỏ, bà cũng có đơn khiếu nại việc thực hiện Biên bản hòa giải thành ngày

05/5/2017 của TAND huyện Tĩnh Gia. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn giữ nguyên kháng cáo; Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét bà Tmới chỉ ký hợp đồng vay tiền với ông Tmà chưa được nhận tiền, mặt khác hợp đồng vô hiệu về hình thức vì việc cho vay không có mục đích và việc thế chấp tài sản chưa được công chứng, chứng thực theo quy định. Các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký Tòa án và các bên đương sự đã tuân thủ thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS).

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của TAND huyện Tĩnh Gia. (Có văn bản phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các thành viên công ty TNHH Phúc T, thấy rằng: Ngày 16/6/2009, giữa ông Hoàng Trường Tvà bà Nguyễn Thị Tcó ký với nhau hợp đồng vay tiền với nội dung:*"Bên A đồng ý cho bên B vay số tiền 2.499.000.000đ; thời hạn vay 30 ngày; lãi suất theo thỏa thuận 3%/tháng"*, hình thức đảm bảo tiền vay là *"toàn bộ nhà xưởng kho cấp đông và nhà ở"* (BL08), Hợp đồng có đóng dấu của Công ty TNHH Phúc Tvà có người làm chứng là ông Nguyễn Đức Phúc là chồng bà T. Quá trình giải quyết lại vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, các thành viên góp vốn vào Công ty là ông Nguyễn Văn D và anh Nguyễn Đức H đều xác định việc vay tiền giữa bà Tvà ông Tông D và anh H không biết, không liên quan đến Công ty, phù hợp với lời khai hiện nay của bà Tquan hệ vay nợ giữa bà và ông Tlà quan hệ cá nhân. D đó Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các thành viên của Công ty Phúc Ttham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, mà chỉ xác định ông D anh H là người làm chứng là đúng.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên được ký ngày 16/6/2009, vụ án được TAND huyện Tĩnh Gia thụ lý ngày 28/5/2015 (thời điểm Bộ luật tố tụng dân sự 2005 đang có hiệu lực thi hành), tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 có quy định: *«Đối với tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, về đòi lại tài sản, đòi lại quyền sử dụng đất D người khác quản lý, chiếm hữu thông qua giao dịch dân sự thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện».*

D đó việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn vẫn còn thời hiệu khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T cho rằng bà không còn nợ ông Hoàng Trường Tsố tiền 2.499.000.000đ, ngoài ra còn cho rằng việc ký hợp đồng vay tiền ngày 16/6/2009 là D bị ép buộc. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Quá trình giải quyết, bà Tkhai năm 2009 bà có vay tiền của ông T, nH số tiền vay trong các lời khai không thống nhất, có lúc khai số tiền vay khoảng trên 400.000.000đ đến 500.000.000đ; có lúc khai số tiền vay là 100.000.000đ; có lúc khai số tiền vay là 499.000.000đ, ông Ttự viết thêm số 2 thành 2.499.000.000đ. Theo bà T, D lãi suất 4.000đ đến 5.000đ/ngày, có lúc 10.000đ - 15.000đ/triệu/ngày, tức 12% đến 15%/tháng, ông Tđã cộng tất cả tiền gốc + lãi ép bà ký. Tuy nhiên bà Tkhông đưa ra được chứng cứ chứng minh việc ký hợp đồng vay tiền ngày 16/9/2009 là D bà bị ông Tép buộc, mặt khác trong hợp đồng này còn có chữ ký người làm chứng là chồng bà (ông Nguyễn Đức Phúc). D vậy trình bày của bà Tkhông có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét lời khai của bà Tcho rằng tại cơ quan điều tra ông Tvà bà đã thống nhất bà đã trả hết số nợ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án hình sự D Tòa án đã thu thập thể hiện: Năm 2012, ông Hoàng Trường Tđã bị các cơ quan tiến hành tố tụng thành phố Thanh Hóa đưa ra truy tố xét xử về các hành vi: "bắt giữ người trái pháp luật"; "kinh Danh trái phép và "cho vay lãi nặng". Theo Kết luận điều tra, Cáo trạng và Bản án sơ thẩm đối với hành vi "cho vay lãi nặng" của ông Tchỉ có 08 người bị hại mà không có bà T. Theo "Tổng hợp danh sách các cá nhân vay tiền ông Hoàng Trường T" thì trong khoảng thời gian từ 01/01/2009 đến 16/4/2009, bà Nguyễn Thị Tở Hải Thượng, Hải Thanh, Tĩnh Gia có vay của ông T08 lượt với tổng số tiền là 7.447.480.000đ (BL208), các khoản vay của bà Tđều có sổ theo dõi, các giấy vay tiền sau khi trả đều đã gạch chéo hoặc ghi đã trả, không có tài liệu nào thể hiện có mối liên quan đến số tiền 2.499.000.000đ của Hợp đồng vay tiền ngày 16/6/2009 (BL238-245). Trong bản khai ngày 25/4/2013 ông Tcó khai:*"Trường hợp Lê Thị Tở Hải Thanh, Tĩnh Gia vay tiền tôi nhiều lần, hiện nay còn nợ tôi khoảng hơn 1 tỉ khi chồng cô ấy chết tôi không đòi cô ấy nữa"* (BL237). Tuy nhiên, ông Ttrình bày khi bị bắt ông khai như vậy là để nhằm được giảm nhẹ tội về hành vi "kinh Danh trái phép". Theo yêu cầu của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, Tòa án cấp phúc thẩm đã tạm ngừng phiên tòa và ra Quyết định thu thập tài liệu, chứng cứ số 02/2018/QĐ-TA ngày 05/3/2018 để yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra (viết tắt CQCSĐT) Công an thành phố Thanh Hóa làm rõ:*"Các khoản cho vay giữa ông Tvà bà Ttrong danh sách CQCSĐT thu thập có dấu hiệu vi phạm hình sự về tội "cho vay lãi nặng" hay không? Giữa các khoản vay trên với số tiền 2.499.000đ trong hợp đồng vay tiền ngày 16/9/2009 có mối liên quan gì với nhau hay không?"*.

Tại văn bản trả lời số 793/CQĐT ngày 06/7/2018 của CQCSĐT Công an thành phố Thanh Hóa đã nêu rõ:*"Các khoản vay giữa ông Ttrong sổ ghi chép D CQCSĐT-CATP thu thập trong hồ sơ vụ án hình sự chưa có dấu hiệu tội phạm nên CQĐT không đủ căn cứ để xử lý hình sự. Khoản vay 2.499 tỷ đồng theo "Hợp đồng vay tiền" ngày 16/9/2009 giữa ông Tvà bà Tlà quan hệ dân sự không thuộc thẩm quyền của CQĐT"*. Như vậy có đủ cơ sở xác định số tiền vay 2.499.000.000đ theo hợp

đồng vay tiền ngày 16/6/2009 không liên quan trong vụ án hình sự hoặc D lãi mẹ cộng lãi con như bà Ttrình bày.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Tvà Luật sư cho rằng bà Tmới chỉ ký hợp đồng mà chưa được nhận tiền, thấy rằng: Ngoài chứng cứ là hợp đồng vay tiền ngày 16/6/2009 còn có các tài liệu, chứng cứ khác như: Theo lời khai người làm chứng là ông Dương Quốc Đ thì ông là người đã nhiều lần tham gia dàn xếp hòa giải về số tiền nợ của bà Tvới ông T, nH D hai bên chưa thống nhất được số tiền bà Tphải trả cho ông Tnên sự việc kéo dài chưa giải quyết được (BL 425). Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18/8/2017, ông Dương Quốc Đ trình bày có lần ông tham gia hòa giải có cả Luật sư của bà T, bà Tthừa nhận có nợ ông Tsố tiền 2.499.000.000đ và xin một nửa (BL492). Tại Biên bản hòa giải thành ngày 05/5/2017 của TAND huyện Tĩnh Gia có Luật sư của hai bên tham gia, bà Tthỏa thuận sẽ trả nợ cho ông Tsố tiền 1.250.000.000đ, ngày 15/5/2017 trả trước 100.000.000đ, còn lại trả dần làm 06 lần đến tháng 10/2022 hết nợ (BL 444-445), nH sau đó D ông Tthay đổi ý kiến, tiếp đến bà Tcũng có đơn khiếu nại nên mới phải đưa ra xét xử sơ thẩm. Việc bà Tcho rằng bà ký Biên bản hòa giải thành nêu trên là D bị Thẩm phán của TAND huyện Tĩnh Gia thuyết phục, dụ dỗ, tuy nhiên không có căn cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[6] Về lãi xuất, theo hợp đồng có ghi*"lãi suất theo thỏa thuận 3%/tháng"*. Tại kết luận giám định số 568/KLGĐ-PC54 ngày 13/5/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa đã kết luận: "*Chữ số và chữ viết 3%/ tháng tại mục lãi xuất theo thỏa thuận tính theo % trên tài liệu giám định ký hiệu A so với chữ ký và chữ viết trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 không phải cùng một người viết*", phù hợp với lời khai của bà Tlãi suất 3% D ông Ttự viết thêm. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, ông Tkhông yêu cầu bà Tphải trả lãi suất đối với số tiền 2.499.000.000đ, D đó Tòa án không xét.

[7] Ngoài các nội dung trên, Luật sư của bị đơn còn cho rằng Hợp đồng vay tiền giữa ông Tvà bà Tvô hiệu về hình thức D việc vay tiền không có mục đích và việc thế chấp tài sản chưa được công chứng, chứng thực. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, trong hợp đồng không ghi mục đích vay tiền như trình bày của bị đơn là đúng, tuy nhiên đây không phải là điều kiện bắt buộc trong quan hệ vay tài sản giữa cá nhân với cá nhân; về việc thế chấp tài sản, tại Điều 2 của Hợp đồng có ghi hình thức đảm bảo tiền vay là *"toàn bộ nhà xưởng kho cấp đông và nhà ở",* việc thỏa thuận thế chấp tài sản chưa được công chứng, chứng thực. Tuy nhiên nội dung này nguyên đơn không yêu cầu giải quyết D đó Tòa án không xem xét. Mặt khác theo quy định của Bộ luật dân sự thì trong trường hợp hợp đồng bị vô hiệu, các bên vẫn phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, trong vụ án này nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại khoản tiền gốc, D đó yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[8] Từ những phân tích trên có đủ căn cứ xác định việc ông Hoàng Trường Tcho bà Nguyễn Thị Tvay số tiền 2.490.000.000đ theo hợp đồng vay tiền đã ký ngày 16/6/2009 là có thật, cho đến nay bà Tkhông chứng minh được là bà đã trả hết số tiền trên cho ông T. D đó bản án sơ thẩm đã xử buộc bà Tphải trả cho ông Tsố tiền gốc theo

hợp đồng là đúng. Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Tđề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

[9] Về án phí: Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà Tphải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2017/DSST ngày 18/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 688; Điều 463, Điều 466; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông Hoàng Trường T số tiền 2.499.000.000đ *(hai tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu đồng)* theo hợp đồng vay tiền đã ký giữa hai bên ngày 16/6/2009.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi ông Tcó đơn yêu cầu và được Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án, nếu bà Tkhông thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phí phúc thẩm dân sự: Áp dụng tiểu mục 2.1, mục 2, phần II Danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Bà Tphải nộp 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0002566 ngày 31/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị./.

Nơi nhận:
-TAND cấp cao tại Hà Nội;
-VKSND tỉnh T.Hóa;
-Cục THADS tỉnh T.Hóa;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Chinh